

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 3 và quý I năm 2019

Tình hình kinh tế - xã hội Thành phố quý I năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại, ít nhiều chịu ảnh hưởng từ các biến động chính trị, nhất là kết quả cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung và tiến trình Brexit. Giá cả trong nước bị tác động một phần bởi giá vàng, giá dầu trên của thế giới; ngành chăn nuôi gặp khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi.

Thành phố tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rà soát phân bổ vốn đầu tư, tập trung ứng vốn cho dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để xây dựng đô thị thông minh, cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc hội và Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ thành phố, qua đó tạo sức lan toả, thống nhất cao trong tư tưởng và quyết tâm cao trong hành động đến các cấp, các ngành.

Quý I/2019: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 7,64% so cùng kỳ năm trước, bằng với mức tăng của quý I/2018. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 106,24%, cao hơn so với mức tăng cùng kỳ của quý I/2018 là 6,05%. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 285.088 tỷ đồng, tăng 12,9% so cùng kỳ (cùng kỳ 2018 tăng 12,3%); tổng vốn đầu tư xã hội đạt 75.211 tỷ đồng, tăng 11,9% so cùng kỳ (quý I/2018 tăng 11,7%), so với GRDP bằng 23,2%; tổng thu cân đối ngân Nhà nước đạt 98.360 tỷ đồng, đạt 24,6% dự toán, tăng 7,2% so cùng kỳ; nguồn thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 16,8%; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 12.845 tỷ đồng, đạt 14,5% dự toán, tăng 10% so cùng kỳ; chỉ số chứng khoán VN-Index chạm mốc cao nhất vào ngày 25/02 với 994,43 điểm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 3 tháng đầu năm 2019 so cùng kỳ tăng 3,68%.

Sau đây là một số kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực trong quý đầu tiên của năm 2019.

### PHẦN A – KINH TẾ

#### I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

**Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP quý I năm 2019 ước đạt 324.497 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt 254.381 tỷ đồng, tăng 7,64% so năm trước, bằng mức tăng của quý I năm 2018.**

Trong mức tăng trưởng chung 7,64% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thủy sản tăng 5,20%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây

dựng tăng 7,41%, đóng góp 1,57 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 7,7%, đóng góp 4,90 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,79%, đóng góp 1,14 điểm phần trăm.

### Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2019

	Giá hiện hành		Giá so sánh 2010		Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	Chỉ số phát triển so với năm 2018 (%)	
<b>Tổng số</b>	<b>324.497</b>	<b>100,0</b>	<b>254.381</b>	<b>107,64</b>	<b>7,64</b>
<i>Phân theo khu vực</i>					
- Nông, lâm, thủy sản	2.092	0,64	1.279	105,20	0,03
- Công nghiệp và xây dựng	69.800	21,51	53.777	107,41	1,57
+ Công nghiệp	56.692	17,47	44.296	107,45	1,30
+ Xây dựng	13.108	4,04	9.481	107,20	0,27
- Dịch vụ	204.786	63,11	161.999	107,70	4,90
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	47.819	14,74	37.326	107,79	1,14

– Khu vực nông lâm thủy sản có mức tăng 5,20%, thấp hơn mức tăng 5,83% của cùng kỳ.

– Khu vực công nghiệp và xây dựng tuy vẫn giữ mức tăng trưởng tương đối ổn định là 7,41%. Trong đó, ngành công nghiệp tăng 7,45%, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước 7,05% nhưng ngành xây dựng tăng 7,2%, thấp hơn so mức tăng của cùng kỳ là 8,48%. Nguyên nhân do tiến độ thi công các công trình xây dựng, các dự án kinh doanh bất động sản chậm lại do thiếu vốn, vướng quy hoạch.

– Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 7,7%, là nơi có nhiều hoạt động kinh doanh sôi nổi, thu hút nhiều dự án của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đồng thời có sự cạnh tranh quyết liệt, nhất là trong lĩnh vực ăn uống, bán lẻ. Một số ngành dịch vụ có mức tăng khá như: bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 7,72%; vận tải kho bãi tăng 6,63%; tài chính ngân hàng (+9,17%); thông tin truyền thông (+9,51%); dịch vụ lưu trú và ăn uống (+8,39%).

### \* Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP của Thành phố

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
<b>Khu vực dịch vụ</b>	<b>204.786</b>	<b>63,11</b>	<b>100</b>
<i>Trong đó 9 ngành dịch vụ</i>	187.159	57,68	91,4
G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	56.467	17,4	27,6
H. Vận tải kho bãi	30.089	9,3	14,7
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.453	2,6	4,1
J. Thông tin và truyền thông	13.169	4,1	6,4
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	18.657	5,8	9,1

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	26.788	8,3	13,1
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	13.862	4,3	6,8
P. Giáo dục và đào tạo	10.343	3,2	5,1
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	9.331	2,9	4,6

Giá trị gia tăng của 9 ngành dịch vụ chiếm 57,68% trong GRDP, chiếm 91,4% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 4 ngành chiếm tỷ trọng cao trong GRDP là thương nghiệp (17,4%), vận tải, kho bãi (9,3%), kinh doanh bất động sản (8,3%), tài chính ngân hàng (5,8%).

So sánh trong nội bộ khu vực dịch vụ: 9 ngành dịch vụ chiếm 91,4%, 4 ngành chủ đạo gồm thương nghiệp, vận tải, kinh doanh bất động sản và tài chính ngân hàng chiếm 64,5%. Do đó cần có cơ chế tác động 4 ngành này để tạo hiệu ứng lan toả cho toàn bộ khu vực dịch vụ phát triển mạnh hơn nữa.

**Kết quả hoạt động của các ngành trong Khu vực dịch vụ có một số điểm đáng chú ý sau:**

– Ngành bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy: là ngành có số lượng cơ sở hoạt động nhiều nhất, tạo ra giá trị tăng thêm cao nhất 56.467 tỷ, chiếm tỷ trọng 17,4% trong tổng GRDP và chiếm 27,6% trong khu vực dịch vụ. So sánh tỷ trọng của các ngành khác trong tổng GRDP của Thành phố thì ngành thương mại bán buôn, bán lẻ chỉ đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ngành này có mức tăng 7,72% so cùng kỳ năm ngoái, do thị trường tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu ổn định, nhất là các mặt hàng đồ dùng gia đình.

– Ngành vận tải kho bãi: đạt 30.089 tỷ, chiếm 9,3% trong tổng GRDP và 14,7% trong khu vực dịch vụ. Đây là ngành có vị trí quan trọng thứ 2 trong 9 ngành dịch vụ, có mức tăng trưởng 6,63% so cùng kỳ. Thành phố đã có nhiều cải tiến trong thí điểm tuyến buýt giao thông bằng đường sông, cải tạo sân bay, bến cảng; sử dụng thẻ thanh toán tự động trên 16 tuyến xe buýt để thu hút người dân sử dụng... Tuy nhiên hạ tầng giao thông cũng chưa đáp ứng nhu cầu.

– Ngành khách sạn, nhà hàng (lưu trú và ăn uống): đạt 8.453 tỷ, chiếm 2,6% trong tổng GRDP và 4,1% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng khá 8,39% so cùng kỳ. Nguyên nhân do các Trung tâm thương mại thay đổi mô hình kinh doanh, kết hợp việc đi mua sắm với ăn uống.

– Ngành thông tin truyền thông: đạt 13.169 tỷ, chiếm 4,1% trong tổng GRDP và 6,4% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng cao nhất 9,51% so cùng kỳ;

– Ngành tài chính, ngân hàng: đạt 18.657 tỷ, chiếm 5,8% trong tổng GRDP và 9,1% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 9,17% so cùng kỳ;

– Ngành bất động sản: đạt 26.788 tỷ, chiếm 8,3% trong tổng GRDP và 13,1% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 6,86% so cùng kỳ, chủ yếu do nguồn cung chậm lại.

– Ngành hoạt động chuyên môn KHCN: đạt 13.862 tỷ, chiếm 4,3% trong tổng GRDP và 6,8% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,0% so cùng kỳ;

– Ngành giáo dục và đào tạo: đạt 10.343 tỷ, chiếm 3,2% trong tổng GRDP và 5,1% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 5,73% so cùng kỳ;

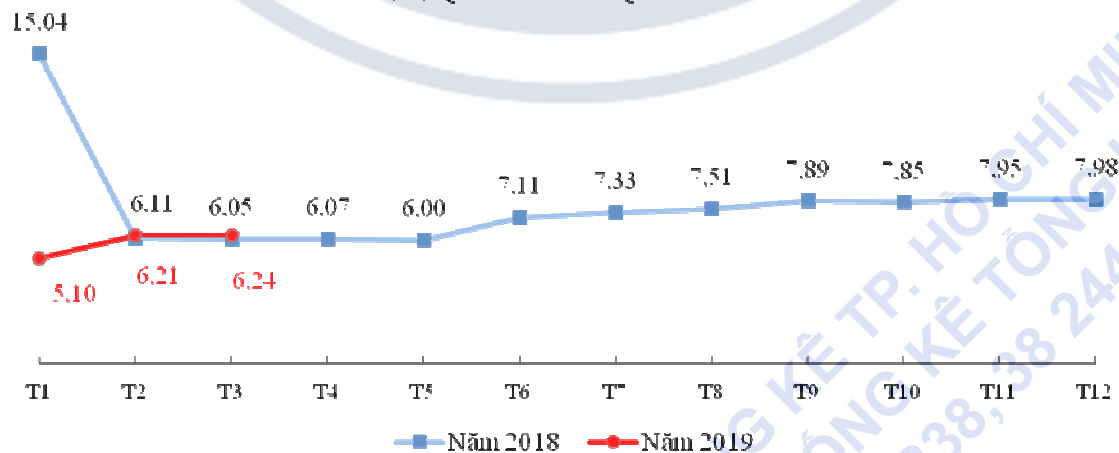
– Ngành y tế: đạt 9.331 tỷ, chiếm 2,9% trong tổng GRDP và 6,7% trong khu vực dịch vụ, tăng 6,74% so cùng kỳ.

## II. CÔNG NGHIỆP

**Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP)** tháng 3 năm 2019 ước tăng 43,57% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến tăng 45,27%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 18,75%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,05%; khai khoáng giảm 3,83%.

Tính chung quý I năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố tăng **6,24%** so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng của năm 2018 (mức tăng năm 2018: 6,05%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 95,69% chủ yếu do hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng mạnh; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,10%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,12%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 3,25%.

**Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %**  
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp II, 19/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp quý I tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó các ngành có mức tăng khá cao như: hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng 97,57%; khai khoáng khác tăng 70,97%;

sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 45,93%; sản xuất kim loại tăng 47,45%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 31,31%; sản xuất sản phẩm điện tử tăng 28,12%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so cùng kỳ như: chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 14,87%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 10,69%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 8,60%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 8,43%; thoát nước và xử lý rác thải giảm 7,91%...

### Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 3/2019 so với tháng 2/2019	3 tháng so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>143,57</b>	<b>106,24</b>
<b>Chia theo ngành cấp I</b>		
1. Công nghiệp khai khoáng	96,17	195,69
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	145,27	106,10
3. SX và phân phối điện	109,05	106,12
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	118,75	103,25
<b>Một số ngành chủ yếu cấp II</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	141,96	104,09
2. Sản xuất đồ uống	125,15	106,63
3. Sản xuất trang phục	139,02	100,54
4. Sản xuất da và SP liên quan	191,10	98,45
5. SX hóa chất và SP hóa chất	132,98	101,97
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	165,07	103,00
7. SP. từ khoáng phi kim loại	161,56	91,57
8. Sản xuất SP điện tử	140,50	128,12
9. Sản xuất thiết bị điện	137,76	98,79
10. Sản xuất xe có động cơ	144,72	113,09

**Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm**, chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2019 ước tính tăng 6,82% so cùng kỳ năm trước, cao hơn 0,58 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp. Trong đó, ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống tăng 5,02%; ngành hóa dược tăng 0,81%; ngành điện tử tăng 28,12%; ngành cơ khí tăng 3,46%. Ngành sản xuất hàng điện tử tăng cao do các doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại; các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao (chất bán dẫn, vi mạch, bo mạch điện tử...) và có thị trường tiêu thụ ổn định.

## Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 3/2019 so với tháng 2/2019	3 tháng so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>142,64</b>	<b>106,82</b>
<b>A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống</b>	<b>135,82</b>	<b>105,02</b>
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	141,96	104,09
11-Sản xuất đồ uống	125,15	106,63
<b>B-Ngành hóa dược</b>	<b>148,49</b>	<b>100,81</b>
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	132,98	101,97
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	138,56	91,40
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	165,07	103,00
<b>C-Ngành Sản xuất hàng điện tử</b>	<b>140,50</b>	<b>128,12</b>
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	140,50	128,12
<b>D-Ngành cơ khí</b>	<b>145,59</b>	<b>103,46</b>
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	145,83	99,99
27-Sản xuất thiết bị điện	137,76	98,79
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	185,42	114,11
29-Sản xuất xe có động cơ	144,72	113,09
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	119,89	104,20

**Đối với các ngành truyền thống**, chỉ số sản xuất quý I tăng 0,76% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành dệt tăng 7,32%; ngành may trang phục tăng 0,54%; ngành da giày giảm 1,55%.

**Một số sản phẩm chủ yếu** sản xuất trong 3 tháng đầu năm tăng cao so cùng kỳ năm trước như: đá xây dựng tăng 70,97%; ti vi tăng 49,09%; bột giặt và chế phẩm dùng để tẩy rửa tăng 29,02%; vải tăng 24,45%; bia chai, lon tăng 7,33%.

**Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo** tháng 3/2019 ước tính tăng 36,18% so tháng trước và tăng 3,58% so cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm nay, chỉ số tiêu thụ tăng 3,02% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ cao như: giường, tủ, bàn ghế tăng 54,84%; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 12,71%; thiết bị điện tăng 21,33%; sản phẩm điện tử tăng 15,45%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh như: sản phẩm chế biến, chế tạo khác giảm 28,25%; dược phẩm giảm 17,19%; hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 13,30%; than cốc và sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 11,65%.

**Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo** trong tháng 3 ước tính tăng 10,77% so tháng trước và tăng 41,56% so cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho so với cùng kỳ năm trước tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 249,58%; da và sản phẩm có liên quan tăng 154,84%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 124,23%; xe có động cơ tăng 121,71%; chế biến thực phẩm tăng 76,41%; dệt tăng 50,46%; máy móc thiết bị khác tăng 80,71%.

Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 3 và tính chung quý I năm 2019 vẫn duy trì mức tăng tương đối ổn định, không có sự tăng hay giảm đột biến. Để đạt được mục tiêu kế hoạch, nhà nước cần tiếp tục tăng cường những giải pháp, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất trong những tháng tiếp theo.

### III. XÂY DỰNG

Hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố trong quý I tuy vẫn giữ nhịp điệu tăng trưởng khá 7,17%, nhưng mức tăng đã giảm so với mức tăng cùng kỳ (8,46%). Hiện các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thi công những công trình chuyển tiếp và triển khai những hợp đồng mới.

Giá trị sản xuất xây dựng quý I năm 2019 theo giá hiện hành ước đạt 52.963 tỷ đồng, trong đó khu vực Nhà nước đạt 1.958 tỷ đồng, chiếm 3,70%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 49.119 tỷ đồng, chiếm 92,74%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.886 tỷ đồng, chiếm 3,56%. Trong tổng giá trị sản xuất xây dựng quý I, hoạt động xây dựng nhà chiếm 58,24%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 21,97% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 19,79%

Giá trị sản xuất xây dựng trong quý I theo giá so sánh 2010 ước đạt 38.316 tỷ đồng, tăng 7,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 7,94%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 6,31% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 6,06%.

### IV. ĐẦU TƯ

#### 1. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư trên địa bàn thành phố quý I/2019 ước thực hiện 75.211 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11,9%, (quý I năm 2018 tăng 11,7%), chủ yếu tập trung vào các ngành như công nghiệp, khách sạn nhà hàng, bất động sản, do nhu cầu nhà ở ngày càng lớn cả về quy mô và chất lượng.

Xét về cơ cấu, vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài nhà nước đang chiếm tỷ trọng cao nhất (57%) và có xu hướng tăng lên; tỷ trọng các nguồn vốn có xu hướng giảm là vốn doanh nghiệp nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể các nguồn vốn như sau:

#### Vốn đầu tư trên địa bàn quý I/2019

	Thực hiện quý I/2019 (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)	
		quý I/2018	quý I/2019
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>75.211</b>	<b>111,7</b>	<b>111,9</b>
Vốn ngân sách	2.779	103,9	101,8
Vốn doanh nghiệp Nhà nước	6.713	105,3	104,2
Vốn doanh nghiệp ngoài Nhà nước	42.898	114,4	115,3
Vốn nước ngoài	10.802	106,8	104,2
Vốn khác	12.019	114,0	114,5

Trong tổng vốn đầu tư, vốn từ ngân sách thành phố ước thực hiện quý I/2019 là 2.501,8 tỷ đồng, tăng 1,7% so với cùng kỳ (quý I/2018 tăng 3,9%). Chia ra: cấp thành phố ước thực hiện 1.800 tỷ đồng, chiếm 71,9%; cấp quận huyện ước thực hiện 701,8 tỷ đồng, chiếm 28,1%.

### Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện quý I/2019 (tỷ đồng)	So với quý I/2018 (%)
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>2.501,8</b>	<b>101,7</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	154,9	121,0
<b>Cấp thành phố</b>	<b>1.800,0</b>	<b>111,1</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	154,9	121,0
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>701,8</b>	<b>89,9</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	-	-

Thành phố đã giao cho các Sở, cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các chủ đầu tư chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019 (đợt 1) gồm nguồn vốn ngân sách Thành phố với tổng vốn là 31.002 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA: 2.013,9 tỷ đồng, chiếm 6,5%, trong đó có nhiều dự án có vốn kế hoạch lớn như: dự án cải thiện môi trường lưu vực kênh Tàu Hủ 250 tỷ đồng, dự án bồi thường phục vụ dự án tuyến tài ngầm số 2 là 250 tỷ đồng, bồi thường phục vụ tái định cư dự án tàu điện ngầm số 2 là 300 tỷ đồng...

- Vốn hình thức đối tác công tư PPP: 653 tỷ đồng, chiếm 2,1%;
- Dự án chuyển tiếp: 15.016,6 tỷ đồng, chiếm 48,4%;
- Dự án khởi công mới: 2.136,9 tỷ đồng, chiếm 6,9%;
- Số vốn chưa phân bổ chi tiết là 6.963,2 tỷ đồng, chiếm 22,5%;

\* Một số dự án trong tháng có khối lượng thực hiện cao như: Xây dựng bệnh viện đa khoa Cần giờ; trụ sở Công an quận 3; xây dựng đường song hành với đường rừng Sác, huyện Cần Giờ, xây dựng đường D17, dự án khu công nghệ cao; hệ thống thoát nước đường Trần Văn Mười...

### 2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến cuối tháng 2, toàn thành phố đã cấp 7.717 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 1.586,7 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 7.621 giấy phép, với diện tích 1.572,6 ngàn m<sup>2</sup> và 96 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 14,1 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 13,6% về giấy phép (+922) và tăng 15,3% về diện tích (+211,8 ngàn m<sup>2</sup>).



### 3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 20/03/2019, Thành phố đã có 254 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 288,8 triệu USD. Điều chỉnh vốn đầu tư có 53 lượt dự án với số vốn tăng thêm là 61,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 20/03 đạt 350,5 triệu USD**, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 799 trường hợp nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đạt 1.200,2 triệu USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ.

#### ***Phân loại các dự án được cấp phép mới:***

**Theo loại hình đầu tư:** hình thức 100% vốn nước ngoài có 227 dự án, vốn đầu tư đạt 262,3 triệu USD; liên doanh 27 dự án, vốn đầu tư đạt 26,5 triệu USD.

**Theo ngành hoạt động:** hoạt động kinh doanh bất động sản có 10 dự án, vốn đầu tư đạt 152 triệu USD, chiếm 52,7% trong tổng vốn đăng ký. Kế đến là hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 71 dự án, vốn đầu tư là 56,1 triệu USD, chiếm 19,4%. Hoạt động thương nghiệp có 108 dự án, vốn đầu tư là 42,9 triệu USD, chiếm 14,8%. Công nghiệp chế biến, chế tạo có 10 dự án, vốn đầu tư là 23,2 triệu USD, chiếm 8%. Thông tin và truyền thông 29 dự án, vốn đầu tư là 5,4 triệu USD, chiếm 1,9%. Dịch vụ lưu trú và ăn uống có 8 dự án, vốn đầu tư là 5,3 triệu USD, chiếm 1,9%.

**Theo đối tác đầu tư:** trên địa bàn thành phố đã có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, British Virgin Islands là quốc gia đứng đầu về vốn đăng ký, với 4 dự án và vốn đạt 148,6 triệu USD, chiếm 51,5% trong tổng vốn. Kế đến là Hàn Quốc với 57 dự án, vốn đầu tư 54,5 triệu USD (chiếm 18,9%); Nhật Bản 38 dự án, vốn đầu tư 22 triệu USD (chiếm 7,6%); Singapore 30 dự án, vốn đầu tư 18,4 triệu USD (chiếm 6,4%); Hoa Kỳ 15 dự án, vốn đầu tư 9,7 triệu USD (chiếm 3,4%); Anh 4 dự án, vốn đầu tư 7,1 triệu USD.

Số lượng dự án giải thể, chuyển trụ sở đi tỉnh thành phố khác hoặc bị đề nghị chấm dứt hoạt động trong 3 tháng đầu năm là 31 dự án với số vốn đầu tư là 39,1 triệu USD.

**Tổng số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố đến ngày 20/3 là 8.328 dự án, với số vốn đăng ký là 45,2 tỷ USD.**

### 4. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể

#### 4.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/03/2019, Thành phố đã cấp phép cho 7.950 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 137.073 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 1,5%, vốn đăng ký tăng 43,9%. Số lượng doanh nghiệp được cấp phép của 9 ngành dịch vụ chủ yếu là 5.605 đơn vị, chiếm 70,5% trong tổng số, xấp xỉ cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký 99.335 tỷ đồng, chiếm 72,5%, tăng 33,5%.

**Phân theo loại hình:** Công ty TNHH 6.961 đơn vị, chiếm 87,6% trong tổng số, tăng 2,4% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 83.020 tỷ đồng, tăng gần gấp

đôi cùng kỳ. Công ty cổ phần có 935 đơn vị, giảm 0,2%; vốn đăng ký 53.993 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 54 đơn vị, giảm 40%; vốn đăng ký đạt 61 tỷ đồng, tăng 24,3%.

#### Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 37 đơn vị, tăng 8,8%; vốn đăng ký đạt 637 tỷ đồng, giảm 44,9% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 1.658 doanh nghiệp, tăng 5,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 31.509 tỷ đồng, tăng 81,7%. Trong đó, ngành xây dựng có 813 doanh nghiệp, vốn đạt 27.392 tỷ đồng, chiếm 86,9%, tăng gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 787 đơn vị, tăng 6,1% và vốn đạt 3.295 tỷ đồng, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 6.255 doanh nghiệp, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 104.928 tỷ đồng, tăng 36,8%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 549 đơn vị, tăng 13,2%; vốn đăng ký 37.293 tỷ đồng, chiếm 35,5% tổng vốn khu vực này, giảm 19,3%. **Thương nghiệp** có 3.153 doanh nghiệp, tăng 5,6%; vốn đăng ký đạt 24.605 tỷ đồng, chiếm 23,5%, tăng 92,2%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 848 doanh nghiệp, vốn đăng ký 29.547 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 6%, vốn đăng ký tăng gấp 6 lần.

**4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:** Từ đầu năm đến ngày 28/02/2019, trên địa bàn thành phố đã có 623 doanh nghiệp giải thể, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động là 1.233 đơn vị, tăng gần 10%; doanh nghiệp chuyển đi tỉnh thành khác là 237 đơn vị, giảm 6,3%.

## V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Trong quý I năm 2019, Nông nghiệp Thành phố tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học; là trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao.

Giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản quý I năm 2019 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 2.962 tỷ đồng, **tăng 5,95%** so năm trước; trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,69%; thủy sản tăng 6,95%.

#### Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản

	Quý I/2019 (Tỷ đồng)		Cơ cấu (%)	Quý I/2019 so với quý I/2018 (%)
	Giá hiện hành	Giá SS 2010		
Giá trị sản xuất nông-lâm, thủy sản	<b>4.798</b>	<b>2.962</b>	<b>100,0</b>	<b>105,95</b>
- Nông nghiệp	3.444	2.301	71,8	105,69
- Lâm nghiệp	33	16	0,7	102,36

- Thủy sản	1.321	645	27,5	106,95
------------	-------	-----	------	--------

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm diện tích trồng lúa một vụ, kém hiệu quả sang các các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của thành phố như: hoa lan, cây kiểng, cá cảnh, rau an toàn, chăn nuôi bò sữa, tôm nước lợ... Về chuyển dịch cơ cấu trong quý I năm 2019: trồng trọt chiếm tỉ trọng 23,1% (quý I năm 2018: 25,3%), chăn nuôi: 42,3% (quý I năm 2018: 46,3%), dịch vụ nông nghiệp: 6,4% (quý I năm 2018: 6,3%), thủy sản: 27,5% (quý I năm 2018: 21,6%).

## 1. Nông nghiệp

**1.1. Trồng trọt:** Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong quý I chủ yếu là chăm sóc, thu hoạch lúa vụ đông xuân và gieo trồng các loại cây khác

– **Lúa vụ đông xuân:** tính đến 15/3, diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân ước đạt 4.933 ha, tăng 1,2% so cùng kỳ năm trước (tương đương tăng 58 ha); đã thu hoạch là 1.667 ha tăng 5,5% so với cùng kỳ, năng suất đã thu hoạch đạt 49,3 tạ/ha, tương đương cùng kỳ.

Do lúa đang ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng và trổ chín, nên dễ bị rầy nâu và sâu cuốn lá xâm hại. Hiện tại diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa vụ Đông Xuân là 888,6 ha cao hơn 20% so với cùng kỳ năm trước (843,1 ha).

– **Gieo trồng các loại cây khác:** Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ. Trong đó: diện tích rau 2.885 ha, tăng 3,3%; hoa cây cảnh 272,7 ha, tăng 2,6% so cùng kỳ.

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 1.032,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (821,5 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 523,4 ha chiếm 50,7 % diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, rầy xám, dòi đục lá, bệnh rỉ trắng, bệnh vàng lá và OBV. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

## 1.2. Chăn nuôi

Số lượng đàn gia súc, gia cầm của Thành phố duy trì ổn định. Tổng đàn trâu, bò ước tính đến tháng 3 có 135.760 con tăng 1,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn bò tăng 1,5%, riêng tổng đàn bò sữa có 81.450 con giảm 3,4% so cùng kỳ do tình hình tiêu thụ sữa gặp khó khăn và tiếp tục sàng lọc giảm đàn bò sữa năng suất thấp.

Đàn heo ước đạt 298.100 con, giảm 2% so cùng kỳ năm trước.

Đàn gia cầm ước đạt 338,1 nghìn con, tăng 7,4% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà ước đạt 264 nghìn con, tăng 3,9%.

Thành phố đã đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là phòng chống dịch tả lợn Châu Phi. Phối hợp lực lượng các đoàn liên ngành tăng cường kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép, nhất là việc kiểm tra xử lý các điểm nóng kinh doanh

gia cầm nhằm phục vụ Tết Nguyên đán. Trong quý I, không phát hiện dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS tại các hộ chăn nuôi.

## **2. Lâm nghiệp**

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.637 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,48%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,18%.

Để ngăn ngừa bảo vệ rừng và phòng cháy trong mùa khô, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 202 lượt kiểm tra phòng cháy chữa cháy rừng.

Kiểm tra các cá nhân, tổ chức kinh doanh, chế biến lâm sản, gây nuôi động vật hoang dã là 222 lượt. Trong đó, kiểm tra theo kế hoạch 15 lượt, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của doanh nghiệp, người dân 207 lượt.

## **3. Thủy sản**

Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đầu tư thức ăn và nuôi thả bổ sung, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Lũy kế 3 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước thực hiện 13.256,5 tấn, tăng 3,9% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 4.948,8 tấn, tăng 2% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 2.728,4 tấn, tăng 7,6% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác ước đạt 5.579,3 tấn, tăng 4% so cùng kỳ năm trước. Chia ra:

+ Sản lượng thủy sản khai thác 03 tháng ước thực hiện 4.544,4 tấn, giảm 2,3% so cùng kỳ;

+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng 03 tháng ước đạt 8.712,1 tấn, tăng 6,9% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.006,9 tấn, tăng 7,8%; sản lượng tôm ước đạt 2.209 tấn, tăng 9,0%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 4.496,2 tấn, tăng 5,5% so cùng kỳ.

\* Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ (tính đến ngày 10/3)

+ Tôm sú có 283 lượt hộ thả nuôi với 38,33 triệu con giống trên diện tích 3.242,1 ha. So với cùng kỳ diện tích giảm 0,8%, con giống giảm 0,5%.

+ Tôm thẻ chân trắng có 271 lượt hộ thả nuôi với 73,31 triệu con giống trên diện tích 179,38 ha.

Tình hình dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ đang gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm. Tính từ đầu năm đến nay, có 04 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên tổng diện tích 2 ha làm thiệt hại 1,28 triệu con giống. Diện tích thiệt hại này được xử lý dập bệnh bằng 126 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

## **VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ**

### **1. Nội thương**

Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng 3 sôi động sau thời gian nghỉ Tết Nguyên đán năm 2019, sức mua trên địa bàn đã tăng trở lại. Đặc biệt, trong tháng có sự kiện ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, các đơn vị kinh doanh truyền thống, thương mại điện tử đã tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi nhằm kích cầu tiêu dùng. Ngoài ra, thành phố cũng tổ chức Lễ hội Áo dài lần thứ 6 năm 2019 nhằm tôn vinh áo dài và người phụ nữ Việt Nam, tạo ra sự lan tỏa thông điệp “Tôi yêu áo dài Việt Nam”, thu hút đông đảo người dân và du khách trên địa bàn tham gia.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 ước tính đạt 95.489 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2018.** Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 63.189 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2018; cụ thể với một số nhóm hàng có tỷ trọng cao trong doanh thu bán lẻ hàng hóa như đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 19%, tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ, một phần là do tháng 3 thời tiết nắng nóng, lượng tiêu thụ các mặt hàng điện tử làm lạnh tăng lên; lương thực, thực phẩm chiếm 17%, tăng lần lượt là 3,7% và 13,1%; xăng dầu các loại chiếm 8,4%, tăng 3,4% và 16,7%; hàng may mặc chiếm 6,6%, tăng 4,3% và 9,8%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 8.959 tỷ đồng, tăng 2,8% và tăng 17%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 2.496 tỷ đồng, tăng 0,6% và tăng 11,8%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 20.845 tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 14,4%.

Trong những tháng đầu năm 2019, Thành phố đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn, góp phần quan trọng quan trọng trong việc thúc đẩy 9 ngành dịch vụ chủ yếu trên địa bàn thành phố. Trong đó, chương trình bình ổn thị trường, kết nối cung cầu hàng hóa giữa thành phố và các tỉnh tiếp tục phát huy được hiệu quả, tạo được môi trường cho các đơn vị sản xuất tìm kiếm được thị trường tiêu thụ, giá cả hàng hóa trên địa bàn ổn định trước và sau Tết. **Ước tính quý 1/2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 285.088 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,9%.**

**Phân theo loại hình kinh tế và ngành kinh tế của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ quý I như sau:**

**\* Chia theo loại hình kinh tế:**

Khu vực kinh tế trong nước vẫn chiếm tỷ trọng cao, với tỷ lệ là 84,5% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước tính đạt 18.201 tỷ đồng, chiếm 6,4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, tăng 13,4%; kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 222.758 tỷ đồng, chiếm 78,1%, tăng 12,9%. Trong khi đó, khu vực kinh tế có vốn nước ngoài cũng có tốc độ tăng trưởng khá, với tổng giá trị đạt 44.129 tỷ đồng, chiếm 15,5%, tăng 12,7%.

**\* Chia theo ngành kinh tế:**

– Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 188.361 tỷ đồng, chiếm 66,1% tổng mức và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lương thực, thực phẩm chiếm 16,8% trong doanh thu bán lẻ, tăng 9,4%; may mặc chiếm 6,5%, tăng 10,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 18,7%, tăng 11,4%; xăng dầu chiếm 8,4%, tăng 13,2%.

– Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 27.130 tỷ đồng, chiếm 9,5% tổng mức và tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ lữ hành ước tính đạt 7.472 tỷ đồng, chiếm 2,6% tổng mức và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 62.125 tỷ đồng, chiếm 21,8% tổng mức và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2018.

## **2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 03/2019 tăng 0,11% so với tháng trước. Trong đó, **6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng so với tháng trước** bao gồm nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,59%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 0,83%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; nhóm giao thông tăng 2,66%; nhóm giáo dục tăng 0,01%; nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 0,65%. **5/11 nhóm giảm** gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,30%; nhóm may mặc mũ nón giày dép giảm 0,05%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,15%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,11%; nhóm hàng hóa dịch vụ khác giảm 0,47%.

### **Diễn biến giá một số nhóm ngành cụ thể như sau:**

– **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,98% so tháng trước.** Trong đó:

+ **Nhóm lương thực** tăng nhẹ 0,01% so với tháng trước; trong đó, bột mì, ngũ cốc giảm 2,08% và nhóm lương thực chế biến tăng 0,36% so tháng trước, riêng nhóm gạo ổn định so tháng trước.

+ **Nhóm thực phẩm** giảm 1,53% so với tháng trước. Trong đó, thịt heo (-3,05%); thịt bò (-0,27%); gia cầm tươi sống (-0,78%); thịt chế biến (-1,20%); trứng các loại (-0,73%); thủy hải sản tươi sống (-3,18%); thủy hải sản chế biến (-2,49%); các loại đậu hạt (-0,25%); rau các loại (-2,84%); trái cây các loại (-1,90%). Bên cạnh đó, cũng còn một số ít nhóm mặt hàng thực phẩm tăng giá so tháng trước như đồ gia vị (+0,51%); đường mật các loại (0,11%); bánh mứt kẹo (+0,35%)... Nhìn chung, giá hầu hết các mặt hàng thực phẩm trong tháng 3/2019 giảm nhẹ và trở lại mức giá bình thường sau khi đã tăng ở tháng trước.

– **Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD tăng nhẹ 0,83% so tháng trước.** Trong đó, giá nhà cho thuê tăng nhẹ 0,99%, giá gas tăng 5,05%, còn lại giá vật liệu xây dựng như sắt thép, cát, đá xây dựng tăng nhẹ 0,22% tùy loại do nhu cầu tăng, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm vật liệu xây dựng biến động không đáng kể.

– **Nhóm giao thông tăng 2,66% so tháng trước** chủ yếu do giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng vào đầu tháng 3 và làm cho giá nhiên liệu bình quân tháng 3 tăng 5,18% so tháng trước. Bên cạnh đó, giá vé tàu thủy được điều chỉnh tăng với mức tăng 10,50% so tháng trước, riêng giá vé tàu hỏa giảm 14,4%, còn lại các mặt khác biến động không đáng kể.

– **Nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 0,65%** chủ yếu do giá thiết bị văn hóa, thiết bị thể thao giải trí, sách báo tạp chí tăng nhẹ, còn lại các mặt hàng khác như hoa tươi, dịch vụ du lịch trọn gói (ngoài nước) giảm nhẹ, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm này không biến động.

CPI tháng 03/2019 tăng 0,52% so với tháng 12/2018 và tăng 4,01% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 3 tháng năm 2019 tăng 3,68% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá vàng tháng 03/2019 giảm 0,32% so với tháng trước, tăng 0,88% so với tháng 12/2018 và giảm 0,12% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 03/2019 tăng 0,03% so với tháng trước; giảm 0,48% so với tháng 12/2018 và tăng 2,02% so với cùng tháng năm 2018.

## **VII. XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA**

### **1. Xuất khẩu**

**Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố qua các cửa khẩu trên cả nước trong tháng 3 ước đạt 3.412,3 triệu USD, tăng 62,5% so với tháng trước.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô ước đạt 3.223,3 triệu USD tăng 71,0% so tháng trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) tháng 3 ước đạt 2.811,3 triệu USD, tăng 33,9% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 261,6 triệu USD, tăng 5,2%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 840,8 triệu USD, tăng 44,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.708,9 triệu USD, tăng 34,7%. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu tăng so với tháng trước, trong đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao so với tháng trước như: Gạo tăng 103,6%; hàng dệt may tăng 55,8%; thủy sản tăng 50,3%; cao su tăng 44,1%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 41,9%.

**Tính chung quý I/2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 8.976,9 triệu USD, tăng 5,7% so cùng kỳ năm trước.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô đạt 8.415,3 triệu USD, tăng 6,4% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong quý I năm 2019 ước đạt 8.194,4 triệu USD, tăng 7,6% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 745,5

triệu USD, giảm 5,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.603,6 triệu USD, tăng 0,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.845,3 triệu USD, tăng 14,5% so cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nhóm hàng hóa và một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (loại trừ dầu thô) trong quý I năm nay gồm:

– *Nhóm hàng nông sản* đạt 853,3 triệu USD (chiếm tỷ trọng 11,2%), giảm 8,4%, trong đó:

+ Gạo sản lượng xuất khẩu đạt 137,9 ngàn tấn với giá trị 176,2 triệu USD, giảm 21,4% so cùng kỳ;

+ Cà phê sản lượng xuất khẩu đạt 110,4 ngàn tấn với giá trị 165,6 triệu USD, giảm 26,4% so cùng kỳ;

+ Cao su sản lượng xuất khẩu đạt 65,3 ngàn tấn với giá trị 139,4 triệu USD, tăng 8,5% so cùng kỳ.

– *Nhóm hàng lâm sản* đạt 145,2 triệu USD (chiếm tỷ trọng 1,9%), tăng 12,5%;

– *Nhóm hàng thủy hải sản* đạt 216,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 2,8%), tăng 12,2%;

– *Nhóm hàng công nghiệp* đạt 5.708,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 74,8%), tăng 9,9%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giá trị xuất khẩu đạt 2.418,2 triệu USD (chiếm tỷ trọng 31,7%), tăng 23,9% so cùng kỳ;

+ Dệt, may giá trị xuất khẩu ước đạt 1.185,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 15,5%), giảm 3,6% so cùng kỳ. Trong đó 84% thị trường xuất khẩu là Mỹ, Nhật, Anh, Đức, Trung Quốc, Canada và Hàn Quốc;

+ Giày dép giá trị xuất khẩu đạt 560,9 triệu USD (chiếm tỷ trọng 7,3%), tăng 4,2% so cùng kỳ. Trong đó 75% giá trị xuất khẩu qua các thị trường chủ lực là Mỹ, Đức, Nhật, Anh, Trung Quốc, Bỉ, Pháp, Netherlands và Tây Ban Nha;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác với giá trị xuất khẩu ước đạt 462,3 triệu USD, giảm 11,3% so cùng kỳ.

– *Nhóm hàng hóa khác* trị giá xuất khẩu ước đạt 1.856,0 triệu USD (chiếm tỷ trọng 9,3%), tăng 7,8% so cùng kỳ năm trước.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp Thành phố trong quý ước đạt 1.213,9 ngàn tấn (tăng 10,2%) với trị giá 561,6 triệu USD, giảm 3,7% do giá bình quân giảm 12,5% so cùng kỳ.

## **2. Nhập khẩu**



**Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước trong tháng 3 năm 2019 ước đạt 3.887,1 triệu USD, tăng 36,0% với tháng trước.**

Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 3.374,4 triệu USD, tăng 36,4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 131,2 triệu USD, tăng 67,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.654,1 triệu USD, tăng 40,8%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.589,1 triệu USD, tăng 30,2%.

**Tính chung quý I/2019, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 10.840,7 triệu USD, tăng 1,3% so cùng kỳ năm trước.**

Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố ước đạt 9.393,5 triệu USD, tăng 1,9% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 333,3 triệu USD, giảm 8,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.704,3 triệu USD, giảm 4,4%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.355,9 triệu USD, tăng 11,9%.

Cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu trong quý I qua cảng Thành phố gồm: nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 3.679,3 triệu USD (chiếm tỷ trọng 39,2%), giảm 8,1%; nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 4.294,2 triệu USD (chiếm 45,7%), tăng 7,7%; nhóm hàng tiêu dùng đạt 570,0 triệu USD (chiếm 6,1%), tăng 35,5% và nhóm hàng hóa khác 850 triệu USD (chiếm 9,0%), tăng 5,2%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố trong quý I như:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 2.263,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 24,1%), tăng 8,1% so cùng kỳ;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có trị giá nhập khẩu đạt 1.449,9 triệu USD (chiếm tỷ trọng 15,4%), tăng 19,3% so cùng kỳ;

+ Vải các loại có trị giá nhập khẩu đạt 495,7 triệu USD, giảm 7,6% so cùng kỳ;

+ Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 497,5 triệu USD, giảm 6,5% so cùng kỳ;

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày có trị giá nhập khẩu đạt 172,9 triệu USD, tăng 11,4%;

+ Sắt thép nhập khẩu đạt 374,9 triệu USD, tăng 13,2%;

+ Dược phẩm nhập khẩu đạt 385,7 triệu USD, tăng 31,5% so cùng kỳ.

## **VIII. VẬN TẢI**

**1. Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải** tháng 3 ước đạt 20.643,3 tỷ đồng, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 17,1% so tháng cùng kỳ. Quý I/2019 ước đạt 62.652,3 tỷ đồng, tăng 14,4% so cùng kỳ. Trong đó vận tải hàng hóa tăng 13,4%, vận tải hành khách tăng 10,4%.

**Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách quý I/2019**

(không bao gồm dịch vụ hỗ trợ vận tải)

	Doanh thu quý I/2019 (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ năm 2018 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>15.574,4</b>	<b>6.304,6</b>	<b>113,4</b>	<b>110,4</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	856,9	61,9	113,0	102,4
Kinh tế ngoài nhà nước	14.612,4	4.346,9	113,4	112,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	105,1	1.895,8	124,3	105,6
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	10.624,6	4.334,6	114,0	113,3
Đường sông	679,5	20,0	109,5	107,0
Đường biển	4.231,8	127,5	112,8	91,4
Đường hàng không	38,5	1.822,5	109,4	105,5

**\* Vận tải hàng hóa:** Doanh thu quý I ước đạt 15.574,4 tỷ đồng, tăng 13,4% so cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,5%, tăng 13,0% so cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,8%, tăng 13,4%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 24,3%.

*Trong đó:* Vận tải đường bộ chiếm 68,2%, tăng 14,0%; vận tải đường biển chiếm 27,2%, tăng 12,8% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 4,5%, tăng 9,5% so cùng kỳ.

**\* Vận tải hành khách:** Doanh thu quý I ước đạt 6.304,6 tỷ đồng, tăng 10,4% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 69%, tăng 12,8% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 30%, tăng 5,6% so cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 68,8%, tăng 13,3% so cùng kỳ, đường hàng không chiếm 28,9%, tăng 5,5% so cùng kỳ.

**2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách:**

**a. Sản lượng vận tải hàng hóa** tháng 3 ước đạt 19.767 ngàn tấn, so với tháng trước tăng 1,8%. Quý I ước đạt 62.745 ngàn tấn, so cùng kỳ tăng 10,1%. Khu vực nhà nước chiếm 5,7%, tăng 10%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,6%, tăng 10% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,6%, tăng 27,2% so cùng kỳ.

*Trong đó:* Vận tải đường bộ chiếm 67%, tăng 9,5% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 15,6%, tăng 8,6% so cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 17,3%, tăng 13,7%.

**b. Sản lượng vận tải hành khách** tháng 3 ước đạt 85.064 ngàn hành khách, so với tháng trước tăng 4,4%. Quý I ước đạt 253.234 ngàn hành khách, so với cùng

kỳ tăng 15,3%. Khu vực nhà nước chiếm 2,9%, tăng 1%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,6%, tăng 15,6% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,5%, tăng 22,6%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 81,1%, tăng 15,7%; vận tải đường hàng không 18,8%, tăng 27,4%.

## IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

### 1. Tài chính

**Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 3 tháng năm 2019** ước thực hiện 98.360 tỷ đồng, đạt 24,6% dự toán, tăng 7,2% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 66.761 tỷ đồng, đạt 24,5% dự toán, tăng 5,3% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 4.898 tỷ đồng, đạt 27,2% dự toán, giảm 10,6% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 26.700 tỷ đồng, đạt 24,5% dự toán, tăng 16,8% so cùng kỳ.

#### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
<b>Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước</b>	<b>399.125</b>	<b>98.360</b>	<b>24,6</b>	<b>107,2</b>
I- Thu nội địa	272.325	66.761	24,5	105,3
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	29.899	6.704	22,4	107,3
2. Khu vực ngoài nhà nước	69.114	19.717	28,5	118,2
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	76.450	17.654	23,1	115,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.800	26.700	24,5	116,8
III- Thu từ dầu thô	18.000	4.898	27,2	89,4

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,0% tổng thu nội địa, tăng 7,3% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 4.424 tỷ đồng, đạt 21,0% dự toán, giảm 1,0% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 2.280 tỷ đồng, đạt 25,9% dự toán, tăng 28,0% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 19.717 tỷ đồng, đạt 28,5% dự toán, tăng 18,2% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 17.654 tỷ đồng, đạt 23,1% dự toán, tăng 15,5% so cùng kỳ.

**Thu cân đối ngân sách địa phương 3 tháng năm 2019 ước thực hiện 16.944 tỷ đồng, đạt 22,8% dự toán, giảm 18,9% so cùng kỳ năm 2018.**

**Tổng chi ngân sách địa phương** (trừ tạm ứng) 3 tháng năm 2019 ước thực hiện 12.845 tỷ đồng, đạt 14,5% dự toán, tăng 10,0% so cùng kỳ.

#### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>88.870</b>	<b>12.845</b>	<b>14,5</b>	<b>110,0</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	31.617	4.691	14,8	103,9

II- Chi thường xuyên	47.419	7.259	15,3	108,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	7.029	711	10,1	98,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	16.632	2.199	13,2	107,0
Sự nghiệp y tế	3.122	250	8,0	105,4
Quản lý hành chính	8.114	1.349	16,6	110,8

Chi đầu tư phát triển 4.691 tỷ đồng, đạt 14,8% dự toán, tăng 3,9% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 7.259 tỷ đồng, đạt 15,3% dự toán, tăng 8,8% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 711 tỷ đồng, đạt 10,1% dự toán, giảm 1,2%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.199 tỷ đồng, đạt 13,2% dự toán, tăng 7,0%; chi sự nghiệp y tế 250 tỷ đồng, đạt 8,0% dự toán, tăng 5,4%; chi quản lý hành chính 1.349 tỷ đồng, đạt 16,6% dự toán, tăng 10,8% so cùng kỳ 2018.

## 2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 3 đạt 2.222,91 ngàn tỷ đồng, tăng 1,11% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: -0,12%); tăng 9,37% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,88% tổng vốn huy động, tăng 10,61% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 47,64% tổng vốn huy động, tăng 3,49% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,58%, tăng 11,08% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,42%; tăng 9,15% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 3 đạt 2.035,97 ngàn tỷ đồng, tăng 13,44% so tháng cùng kỳ. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.062,57 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,19% tổng dư nợ, tăng 12,70% so tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 157,78 ngàn tỷ đồng, chiếm 7,75% tổng dư nợ, giảm 3,27% so với tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 1.878,19 ngàn tỷ đồng, chiếm 92,25% tổng dư nợ, tăng 15,11% so với tháng cùng kỳ.

## 3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 02 năm 2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 381, gồm 376 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF, tăng 1 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 26/02 mã cổ phiếu HUB của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế giao dịch phiên đầu tiên; không có mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.161.079 tỷ đồng, tăng 9,93% so với cuối năm 2018. Trong tháng 02/2019 có 15 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 4 phiên giảm điểm. Đây là tháng có giao dịch rất sôi động thể hiện ở khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên tăng mạnh so với tháng trước. Mặc dù chỉ có 15 phiên giao dịch trong tháng 02 so với 22 phiên của tháng 01 nhưng khối lượng giao dịch của tháng 02 gần bằng tháng trước và giá trị giao dịch cao hơn tháng trước. VN-Index có xu hướng tăng mạnh dù có giảm ở vài phiên cuối tháng. Đến cuối tháng 02/2019, VN-Index đạt

965,47 điểm, tăng 6,02% (tương ứng tăng 54,82 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 8,17% (tương ứng tăng 72,93 điểm) so với cuối năm 2018.

Đến cuối tháng 02/2019, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 878,22 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 25/02 với 994,43 điểm.

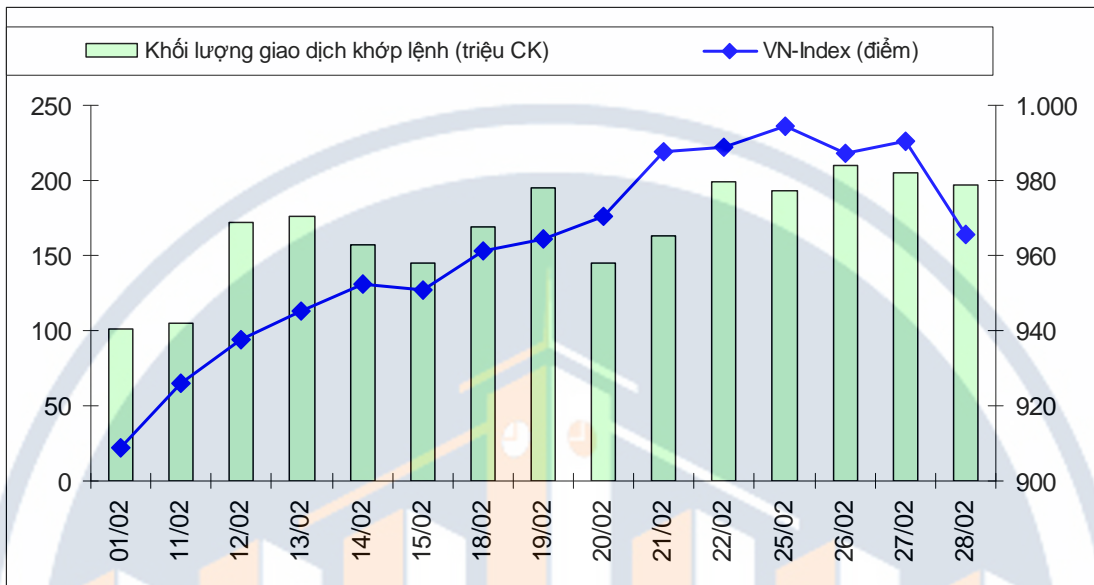
Khối lượng giao dịch trong tháng 02/2019 đạt 2.965,72 triệu chứng khoán, giảm 0,63% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 68.573,17 tỷ đồng, tăng 5,58% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 197,71 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 4.571,54 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 45,74% và giá trị giao dịch tăng 54,85% so với tháng trước.

### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 02/2019	2 tháng năm 2019	Tháng 02 so tháng 01	2 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch</b> (triệu CK)	<b>2.965,72</b>	<b>5.950,26</b>	<b>99,37</b>	<b>61,42</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.893,11	5.799,88	99,53	61,31
Trái phiếu	33,12	92,60	55,67	325,35
Chứng chỉ quỹ & ETF	39,49	57,78	215,91	29,01
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.533,26	4.870,24	108,40	56,56
Giao dịch thỏa thuận	432,46	1.080,02	66,78	100,29
<b>Tổng giá trị giao dịch</b> (tỷ đồng)	<b>68.573,17</b>	<b>133.523,59</b>	<b>105,58</b>	<b>48,94</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	64.531,81	123.044,40	110,29	46,18
Trái phiếu	3.443,28	9.625,72	55,69	326,33
Chứng chỉ quỹ & ETF	598,08	853,47	234,18	24,81
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	54.689,74	98.671,80	124,35	42,90
Giao dịch thỏa thuận	13.883,43	34.851,79	66,21	81,39

Đồ thị VN-Index tháng 02/2019 trên SGDCK TP.HCM

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP  
ĐT: 38 299 838, 38 244 733



Cập nhật đến ngày 15/03/2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 381. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.286.398 tỷ đồng, tăng 14,29% so với cuối năm 2018; VN-Index đạt 1.004,12 điểm, tăng 111,58 điểm (tương ứng tăng 12,50%) so với cuối năm 2018.

## PHẦN B – VĂN HÓA, XÃ HỘI

### 1. Hoạt động văn hoá nghệ thuật

#### 1.1. Về hoạt động lễ hội

Trong quý I, nhiều hoạt động lễ hội được tổ chức trước và sau Tết đón chào năm mới 2019 như: Chương trình đếm ngược (Countdown) tại đường Nguyễn Huệ; trình chiếu ánh sáng 3D (Mapping) lên mặt tiền tòa nhà UBND thành phố; Chương trình bắn pháo hoa tại các địa điểm trên địa bàn thành phố; Phối hợp tổ chức đường hoa, đường sách tại phố đi bộ Nguyễn Huệ, hình thành lên nét văn hóa đặc trưng của người dân Thành phố mỗi độ xuân về.

Thành phố đã tổ chức kỷ niệm 230 năm chiến thắng Đống Đa; Lễ kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2019) với triển lãm “Mừng Xuân Kỷ Hợi – Mừng Đảng quang vinh” tại đường Đồng Khởi, đường Lý Tự Trọng – Pasteur. Tổ chức biểu diễn và tôn vinh 100 năm hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Cải lương tại khu vực đường đi bộ Nguyễn Huệ;

#### 1.2. Xây dựng xã nông thôn mới

Thành phố đã triển khai văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân 24 quận huyện về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020, đồng thời phối hợp Văn phòng Điều phối Nông thôn mới thành phố kiểm tra kết quả, tiến độ tình hình thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 tại các huyện: Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi và Cần Giờ.

#### 1.3. Về hoạt động văn hóa cơ sở

Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Thành phố đã triển khai nội dung phong trào trong năm 2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương đến các quận - huyện, phường, xã, thị trấn, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ của đất nước, các hoạt động lễ hội Mừng Đảng - Mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019. Thành phố triển khai đến Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” 24 quận, huyện về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm xây dựng các tuyến đường văn minh – mỹ quan đô thị, tuyến kênh xanh – sạch đẹp năm 2019.

#### **1.4. Về hoạt động thư viện**

Công tác phục vụ bạn đọc của Thư viện Khoa học Tổng hợp đã thu hút được 201.319 lượt khách tham quan, phục vụ 289.001 lượt tài liệu. Tổ chức triển lãm chủ đề “Muôn màu của sách” tại Lễ hội Đường sách Tết Kỷ Hợi 2019 với hoạt động Tuyên truyền về Biển đảo: bộ bản đồ và tư liệu “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý”, “Chủ quyền Biển đảo Việt Nam”; “Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa”.

#### **1.5. Công tác gia đình**

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3; triển khai kế hoạch tổ chức cuộc thi sáng tác tranh cổ động chủ đề “Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc” nhằm hưởng ứng tháng hành động phòng, chống bạo lực gia đình; đồng thời tổ chức 05 suất tuyên truyền: diễn tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực gia đình và chơi trò chơi hỏi đáp có thưởng liên quan đến pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình tại các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố, thời lượng từ 30 đến 45 phút vào các buổi giờ chào cờ đầu tuần.

#### **1.6. Về văn hoá quần chúng**

Trung tâm Văn hóa thành phố đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng; theo dõi và hỗ trợ phong trào văn hóa cơ sở, các hoạt động văn hóa nghệ thuật “ Mừng xuân Kỷ Hợi năm 2019 – Mừng Đảng quang vinh”, kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2019).

#### **1.7. Về nghệ thuật**

Từ đầu năm đến nay, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đã thu hút lượng lớn khán giả trong nước và du khách nước ngoài với các chương trình nghệ thuật mới mẻ, thay đổi định kỳ, nhạc nước ngoài; chương trình nghệ thuật truyền thống Việt Nam: hát bội, cải lương, đờn ca tài tử, dân ca; chương trình thiếu nhi tập trung vào các đề tài mừng Xuân. Các đơn vị nghệ thuật công lập ước thực hiện 106 suất diễn phục vụ 31.800 lượt người xem. Bên cạnh đó, thành phố đưa 02 đoàn nghệ thuật đi biểu diễn tại Đức, Bỉ, Pháp và Thái Lan nhằm giao lưu và quảng bá văn hóa nghệ thuật, phục vụ kiều bào nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019.

#### **1.8. Về quản lý di sản văn hóa**

Hoạt động phục vụ khách tham quan tại các bảo tàng và các di tích trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua đạt kết quả tốt, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan. Tổng số khách tham quan tại 07 bảo tàng ước phục vụ 950.153 lượt khách tham quan, trong đó 425.012 lượt khách ngoài. Triển khai dự án xây dựng bộ chỉ số phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020; Tổng kiểm kê di sản văn hóa các dân tộc thiểu số.

## **2. Các hoạt động thể dục thể thao**

### **2.1. Thể dục thể thao cộng đồng**

Trong quý I năm 2018, nhiều giải phong trào thể dục thể thao quần chúng diễn ra rộng khắp như: giải thi đấu Kéo co thể thao học sinh; thi đấu giao hữu quốc tế Coky Bufalo WBA Boxing professional Asian Tile Macth (tổ chức ngày 20/1); chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting lần 14 năm 2019. Đặc biệt Giải Marathon quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 thu hút hơn 10.000 người tham dự, quy tụ gần 1.000 vận động viên của hơn 20 quốc gia.

### **2.2. Thể thao thành tích cao**

*Tổ chức giải:* Thành phố đã đăng cai tổ chức 04 giải Quốc tế gồm: Bóng rổ (giải Bóng rổ nhà nghề Đông Nam Á mở rộng năm 2018-2019 từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019), Billiards (giải Carom 3 băng cúp Ceulemans tại Cộng hòa Pháp); Thể dục nghệ thuật (giải Formosa Cup 2018 tại Đài Loan); Bắn súng (giải Bắn súng đĩa bay FITASC năm 2019).

*Công tác tập huấn:* đã cử đi tập huấn trong nước: Đội tuyển Quốc gia (17 môn): Rowing, Cờ vua, Cày mây, Cầu lông, Điền kinh, Xe đạp, Wushu, Karatedo, Pencak Silat, Bóng đá nữ, Thể dục nhào lộn trên lưới, Cử tạ, Bóng ném, Thể dục dụng cụ, Bắn súng, Taekwondo, Canoeing. Cử huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập huấn tại các tỉnh thành trong nước gồm (06 môn): Đá cầu, Đấu kiếm, Taekwondo, Xe đạp, Karatedo, Bóng chuyền Nam.

*Thi đấu Giải quốc gia:* cử các huấn luyện viên và vận động viên tham dự 03 giải đấu: giải bóng đá U19 quốc gia năm 2019 (12/1-7/3); Canoeing tham dự thi đấu Lễ hội Boi chải Thuyền rồng Hà Nội mở rộng năm 2019 (14/2-17/2); Cờ vua tham dự giải Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long mở rộng mừng Đảng mừng Xuân Kỷ Hợi 2019 (8/2-13/2)

*Thi đấu Giải quốc tế:* cử các huấn luyện viên và vận động viên tham dự 05 giải đấu: Muay tham dự thi đấu giao hữu tại Trung Quốc (17/1-20/1); Cầu lông tham dự giải Iran Fajr Internatoinal Challenge năm 2019 tại Iran (2/2-8/2); Billiards tham dự giải Cup thế giới Carom 3 băng năm 2019 tại Thổ Nhĩ Kỳ (8/2-19/2); Taekwondo tham dự giải vô địch quốc tế Dallas năm 2019 tại Hoa Kỳ (6/2-12/2); Khiêu vũ thể thao tham dự giải quốc tế CASERTA mở rộng năm 2019 tại Cộng hòa Ý (6/2-12/12).

## **3. Y tế**

### **3.1. Công tác phòng chống dịch bệnh**



*Tình hình bệnh Sốt xuất huyết:* Số ca sốt xuất huyết nhập viện là 9.695 ca, tăng 250,13% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó có 02 trường hợp tử vong tại quận Tân Phú và huyện Củ Chi.

*Tình hình bệnh Tay Chân Miệng:* Số ca tay chân miệng là 410 ca, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2018, không có trường hợp tử vong.

*Tình hình bệnh sởi<sup>1</sup>:* Số ca bệnh sởi là 1.458 ca, tăng **1.455** ca so với cùng kỳ năm 2018. Số ca phát hiện mới ở mỗi tuần vẫn ở mức cao, đa số bệnh nhân bị bệnh chưa được tiêm chủng (96% số ca mắc), độ tuổi mắc bệnh chiếm cao nhất 49% là từ 18 tháng tuổi đến 10 tuổi, trẻ dưới 9 tháng tuổi mắc bệnh chiếm 19% (chưa đến tuổi tiêm chủng, tức các trẻ này không nhận được kháng thể bảo vệ của mẹ truyền sang).

*Các bệnh truyền nhiễm khác:* trong khả năng kiểm soát, không để lan rộng ra cộng đồng.

### **3.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm**

Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng luôn được tăng cường, thường xuyên cập nhật các tin bài, hình ảnh về cảnh báo an toàn thực phẩm, các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm. Ngoài ra có nhiều đề án tiếp tục phát triển và đi vào thực tiễn như Chuỗi thực phẩm an toàn; Đề án Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt gia cầm và trứng gia cầm. Trong quý I ghi nhận có 01 vụ ngộ độc rượu, nguyên nhân do sử dụng rượu không rõ nguồn gốc có chứa Methanol.

### **3.3. Công tác khám chữa bệnh và điều trị**

Thành phố luôn quan tâm vấn đề nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế tuyến dưới thông qua các khóa đào tạo chuyên đề, luân phiên cán bộ y tế của các bệnh viện thành phố hỗ trợ tuyến dưới; thường xuyên tổ chức các hội thi giúp kiểm tra kiến thức chuyên môn và giao lưu học hỏi giữa các đơn vị; Triển khai tốt công tác chăm sóc y tế, sơ cấp cứu y tế trong dịp lễ tết; Triển khai ứng dụng báo động “code grey” (bảo vệ an ninh bệnh viện hỗ trợ khám chữa bệnh).

## **4. Giáo dục**

*Tình hình giáo dục Mầm non đầu năm học 2018-2019:* Tổng số học sinh mầm non giảm 5,36% so cùng kỳ, số trẻ đến trường ở khối mầm non là 364.648 em. Để chuẩn bị khai giảng năm học mới Thành phố đã và đang tiến hành xây thêm trường học, phòng học nhằm giảm sĩ số học sinh/lớp và nhân rộng mô hình trường chất lượng cao. Năm học 2018–2019, toàn Thành phố có 1.296 trường mầm non, tăng 88 trường so với cùng kỳ; xây mới 275 phòng học, nâng số phòng học khối

---

<sup>1</sup> Theo đánh giá của Cục y tế Dự phòng - Bộ y tế : Ngay trong những tuần đầu năm 2019, tình hình dịch bệnh sởi tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng tại nhiều nước trên thế giới, đặc biệt tại Ucraina và Hoa Kỳ. Theo các nhà khoa học, việc dịch sởi bùng phát tại một số nước hiện nay là do tỷ lệ tiêm vắc xin phòng sởi không đạt yêu cầu tại nhiều nước và sẽ để lại hậu quả lớn cho sức khỏe người dân cũng như tăng chi phí điều trị so với việc chỉ phải tiêm vắc xin sởi thông thường.

mầm non, mẫu giáo lên 15.754 phòng, tăng 1,78% so với cùng kỳ. Tương ứng với qui mô học sinh và phòng học, số lớp học của khối mầm non, mẫu giáo là 14.730 lớp tăng 2,18% và số giáo viên hiện có 26.602 người tăng 6,46% so với cùng kỳ và sĩ số học sinh/lớp giảm 1,97 từ 26,73 xuống 24,76.

*Tình hình giáo dục Giáo dục phổ thông đầu năm học 2018-2019:* Thành phố có 961 trường phổ thông, tăng 9 trường so với cùng kỳ. Trong đó: Trung học cơ sở tăng 3 trường, trung học phổ thông tăng 2 trường và tiểu học cũng tăng 2 trường. Số phòng học là 29.549 phòng tăng 4,66%; số lớp học là 31.723 tăng 4,17%; số giáo viên là 51.124 tăng 0,82%; số học sinh là 1.276.541 tăng 4,20%. Sĩ số lớp học ở cả ba cấp học vẫn ở mức khá cao 40 học sinh/lớp (Khuyến nghị 35 học sinh/lớp), tuy nhiên sĩ số ở cấp tiểu học cao hơn năm trước và giảm ở 2 cấp phổ thông còn lại.

## **5. Các hoạt động khác**

*Về công tác kiểm tra:* trong Quý I/2019, các đoàn kiểm tra chuyên ngành đã kiểm tra 143 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và quảng cáo, ban hành 43 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt 382 triệu đồng. Đồng thời đã kiểm tra 05 cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng, karaoke và xoa bóp, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 24 quyết định xử phạt với số tiền phạt là 1.250,9 triệu đồng, đối tượng vi phạm đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 94 triệu đồng.

Xử phạt 03 tổ chức với số tiền phạt 50 triệu đồng về hành vi “Phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu chưa được phép phổ biến”.

*Công tác thực thi Luật Sở hữu trí tuệ:* Xử phạt 03 tổ chức với số tiền phạt 45 triệu đồng về hành vi “sử dụng bản ghi âm, ghi hình nhằm mục đích thương mại đã công bố mà không trả tiền sử dụng cho chủ sở hữu”.

## **6. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2018 đến 15/02/2019)**

### **6.1. Vi phạm kinh tế**

Tình hình hoạt động của tội phạm về kinh tế vẫn diễn biến phức tạp trên các lĩnh vực, ngành nghề trọng điểm, nổi lên vẫn là hoạt động kinh doanh hàng ngoại nhập lậu, hàng không hóa đơn chứng từ, kinh doanh ngoại nhập lậu, hàng không hóa đơn chứng từ, kinh doanh không giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (quần áo, vải, rượu, giày, dép...), vận chuyển buôn bán hàng cấm (thuốc lá ngoại nhập lậu)... Qua triển khai các biện pháp nghiệp vụ đã phát hiện 340 vụ, 313 đối tượng vi phạm về kinh tế, thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 17,4 tỷ đồng. Đã khởi tố 40 vụ, 38 đối tượng; xử lý vi phạm hành chính 185 vụ, 190 đối tượng.

### **6.2. Vi phạm môi trường**

Đã lập 45 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành 56 quyết định xử phạt vi phạm hành chính; thu giữ nhiều hàng hóa và ra quyết định xử phạt với tổng số tiền 22,8 tỷ đồng.

### **6.3. Phạm pháp hình sự**

Trong quý I/2019 phạm pháp hình sự được ghi nhận 959 vụ, giảm 8,4% (-88 vụ) so với cùng kỳ năm 2018, làm chết 17 người, bị thương 122 người, thiệt hại tài sản khoảng 41 tỷ đồng; Trong đó, có 05 loại án được kéo giảm gồm: Giết người (-03 vụ); Cướp tài sản (-05 vụ); Cướp giết tài sản (-26 vụ); Trộm tài sản (-60 vụ); Lừa đảo – lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt (-28 vụ). Tuy nhiên, có 06 loại án tăng gồm: Hiếp dâm (+04 vụ); Giao cấu với người dưới 16 tuổi (+05 vụ); Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (+01 vụ); Cường đoạt tài sản (+01 vụ); Giữ người trái pháp luật (+06 vụ); Chống người thi hành công vụ (+01 vụ).

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 683 vụ (đạt tỷ lệ 71,2%), bắt 766 tên; Đã triệt phá 110 băng nhóm, 261 đối tượng phạm pháp hình sự.

#### **6.4. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

*Ma túy:* Đã triệt phá nhiều đường dây lớn vận chuyển trái phép chất ma túy từ nước ngoài và các tỉnh phía Bắc vào Thành phố tiêu thụ. Khám phá 430 vụ, bắt 942 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khởi tố 375 vụ, 475 bị can, xử phạt hành chính 55 vụ, 467 tên.

*Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:* Lập biên bản 23 cơ sở kinh doanh có điều kiện vi phạm về ANTT...; Phát hiện và xử lý 05 vụ, 34 đối tượng tổ chức hoạt động mại dâm (02 môi giới, 16 gái mại dâm và 16 khách mua dâm).

*Cờ bạc, cá độ:* Khám phá, xử lý 80 vụ, 534 đối tượng tổ chức và tham gia dưới nhiều hình thức cờ bạc ăn tiền trái phép, thu hơn 165 triệu đồng và nhiều công cụ, phương tiện khác phục vụ cho hoạt động phạm tội.

#### **6.5. Trật tự an toàn giao thông (TTATGT)**

*Tai nạn giao thông đường bộ:* Trên địa bàn thành phố xảy ra 854 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 162 người, bị thương 587 người; trong đó 173 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 18,8% (-19 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 162 người (-46 người), làm bị thương nặng 34 người (-21 người) và 681 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 551 người, hư hỏng 1.209 xe các loại.

*Tai nạn giao thông đường sắt:* Xảy ra 02 vụ và làm chết 02 người.

*Tai nạn giao thông đường thủy:* Xảy ra 01 vụ tai nạn nhưng không thiệt hại về người.

#### **6.6. Về tình hình cháy, nổ (từ ngày 16/12/2018 đến 15/03/2019)**

*Tình hình cháy:* Xảy ra 109 vụ cháy giảm 8,4% (-10 vụ); trong đó, có 02 vụ cháy lớn, 02 vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng, 42 vụ cháy trung bình và 63 vụ cháy nhỏ gây thiệt hại không đáng kể. Thiệt hại: chết 01 người (-01 người), bị thương 07 người (+03 người), thiệt hại tài sản ước tính 6,4 tỷ đồng (còn 58 vụ chưa ước tính được thiệt hại tài sản thành tiền).

*Tình hình nổ:* Trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

## **PHẦN C – TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019**

Thực hiện Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết tắt là Tổng điều tra dân số); Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 15 tháng 8 năm 2018 của BCĐ Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (ban hành kèm theo Phương án Tổng điều tra dân số), Thành phố đã ban hành Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 về thành lập Ban Chỉ đạo và Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh (BCĐ); Kế hoạch số 366/KH-BCĐTĐT ngày 25/9/2018 và Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 9/11/2018 về tổ chức Tổng điều tra dân số trên địa bàn Thành phố.

Tổng điều tra dân số và nhà ở là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê được quy định trong Luật Thống kê, với chu kỳ thực hiện 10 năm một lần vào các năm có số cuối cùng là số 9. Tổng điều tra dân số và nhà ở là nguồn thông tin chủ yếu và tin cậy về tình hình dân số, nhân khẩu học và tình trạng nhà ở của dân cư nhằm đáp ứng các mục tiêu về tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê, đồng thời cũng là nguồn thông tin phục vụ Đảng, Quốc hội và Chính phủ trong đánh giá tình hình, xây dựng chiến lược, chính sách liên quan tới người dân và các chính sách phát triển đất nước.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là cuộc Tổng điều tra đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ chuẩn bị xây dựng mạng lưới, thu thập thông tin, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, xử lý số liệu đến công bố kết quả Tổng điều tra. Trong đó, áp dụng hai hình thức thu thập thông tin mới, đó là sử dụng thiết bị điện tử di động trong thu thập thông tin và sử dụng phiếu trực tuyến để các hộ dân cư tự cung cấp thông tin thông qua mạng Internet. Trong Tổng điều tra dân số, thành phố Hồ Chí Minh sử dụng 100% thiết bị điện tử di động trong thu thập thông tin tại các địa bàn điều tra và sử dụng phiếu trực tuyến để các hộ dân cư tự cung cấp thông tin thông qua sử dụng Internet.

Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 theo đúng Phương án của Ban chỉ đạo (BCĐ) Trung ương và Kế hoạch của BCĐ Thành phố. Công tác phân chia địa bàn điều tra, vẽ sơ đồ nền và lập bảng kê chuẩn bị cho tổng điều tra được bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018, sử dụng hệ thống bản đồ hành chính số hóa hệ tọa độ VN-2000 của thành phố trong công tác phân chia sơ đồ nền, địa bàn điều tra của phường, xã, thị trấn. Việc lập bảng kê hộ được thực hiện trong tháng 12/2018, đây là nội dung quan trọng nhằm rà soát, cập nhật bảng kê, hoàn thiện những thay đổi của hộ gia đình trước thời điểm điều tra. Thực hiện tốt khâu này sẽ giúp việc thu thập thông tin vào ngày 1/4/2019 hạn chế không bị trùng, bỏ sót hộ dân cư, các điểm dân cư trong xã, phường, thị trấn và các nhân khẩu thực tế thường trú (NKTTTT) tại các hộ; giúp BCĐ Tổng điều tra các cấp nắm được số lượng thông tin ban đầu về các hộ dân cư địa phương mình quản

lý, làm cơ sở lập kế hoạch huy động nguồn lực, tuyển chọn, tập huấn lực lượng tham gia điều tra và giúp điều tra viên xác định đúng phạm vi địa bàn điều tra và số hộ được phân công thực hiện thu thập thông tin. Sau khi lập bảng kê tại địa bàn xong, bảng kê hộ được nhập các thông tin của hộ vào cơ sở dữ liệu Tổng điều tra dân số 2019 tại trang web điều hành của Tổng điều tra.

Kết quả sơ bộ giai đoạn 01 của thành phố: Dân số của thành phố đến thời điểm 23/01/2019 là **8.859.688** người, tăng 64.823 người so với thời điểm 30/6/2018 (số liệu dân số của thành phố đến thời điểm 30/6/2018 là 8.794.865 người). Số liệu này chưa tính lực lượng bộ đội và công an. Như vậy, trong thời kỳ 10 năm 2009 – 2019, tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố là 2,15% năm. Bình quân một năm thành phố tăng khoảng 170.000 người, gần bằng dân số của một quận quy mô nhỏ ở Thành phố.

Trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, thành phố Hồ Chí Minh đã lập bảng kê được 19.445 địa bàn (17.454 địa bàn bình thường và 1.991 địa bàn đặc thù) với tổng số hộ là 2.469.302 hộ địa bàn bình thường và 86.146 nhân khẩu địa bàn đặc thù.

Văn phòng BCD Thành phố đã tổ chức lễ sơ kết công tác Tổng điều tra vào ngày 25/01/2019 đồng thời khen thưởng BCD 6 quận, huyện đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác vẽ sơ đồ, lập bảng kê và nhập tin bảng kê hộ gồm Quận 7, 9, Thủ Đức, Bình Thạnh, huyện Nhà Bè và Củ Chi.

Toàn Thành phố đã tuyển chọn hơn 12 ngàn giám sát viên, đội trưởng và điều tra viên; tập huấn nghiệp vụ cho 181 lớp tại 24 quận, huyện từ tháng 01/2019 đến 03/2019. Đồng thời cập nhật và rà soát lại bảng kê từ ngày 15/3 đến 25/3/2019.

Ngày 22/3/2019, văn phòng BCD Thành phố đã ban hành công văn số 122/BCĐTP-VP về tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra dân số năm 2019, trong đó đã phân công toàn bộ thành viên BCD Thành phố là các đồng chí Lãnh đạo các Sở, ngành cùng thành viên Tổ giúp việc tham dự Lễ ra quân được tổ chức đồng loạt ở 24 quận, huyện.

BCĐ quận, huyện, phường, xã, thị trấn bám sát Kế hoạch của BCD Thành phố để tiếp tục triển khai các công việc trong tháng 4/2019. Cụ thể như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thực hiện</b>
<b>Từ 01/4/2019 – 25/4/2019</b>	<b>Điều tra thu thập thông tin tại hộ</b>	
+ Từ 01/4/2019 – 07/4/2019	Hộ tự cung cấp thông tin trên website Tổng điều tra	Hộ dân cư
+ Ngày 01/4/2019	Thu thập thông tin người lang thang, cơ nhỡ, sống bằng nghề trên mặt nước	BCĐ cấp xã
+ Từ ngày 01/4/2019 – 15/4/2019	Thu thập thông tin về nhân khẩu đặc thù khác đang cư trú tại các cơ sở lưu trú của nhân khẩu đặc thù	Điều tra viên
+ Từ ngày 01/4/2019 – 25/4/2019	Thu thập thông tin các hộ đăng ký thực hiện tự cung cấp thông tin chưa hoàn thành	Điều tra viên

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tháng 3, quý I năm 2019 và tiến độ thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.



CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP  
ĐT: 38 299 838, 38 244 733